

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 14-01-2020
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Duy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Đúng
2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyền – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên.

Vào ngày 14 tháng 01 năm 2020 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 968/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 522/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 ngày 11 tháng 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 417/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thanh N**, sinh năm 1982

Địa chỉ: 4B19 ấp 4, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông **Võ Quốc L**, sinh năm 1980

Địa chỉ: 4B19 ấp 4, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà N có mặt, ông L vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 18/7/2019, các bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N trình bày:

Bà và ông Võ Quốc L bắt đầu chung sống với nhau từ đầu năm 2003 do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A,

huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đôi khi có những mâu thuẫn nhỏ nhưng không đáng kể. Từ năm 2015 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh những mâu thuẫn, bất đồng trong quan điểm trầm trọng do ông L chửi bà và đôi khi còn đánh bà, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Ông L có những lời lẽ không hay đối với gia đình bên vợ. Bà xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: có 02 con chung tên Võ Nguyễn Thảo V, sinh ngày 07/01/2008 và Võ Gia Đ, sinh ngày 12/6/2014. Bà yêu cầu được nuôi trẻ Võ Gia Đ và giao trẻ Võ Nguyễn Thảo V cho ông L nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Tại các bản tự khai ngày 17/10/2019 và biên bản hòa giải ngày 26/11/2019, bị đơn ông Võ Quốc L trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Thanh N bắt đầu chung sống với nhau gần 20 năm, do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau khi vợ chồng chung sống một thời gian thì mẹ vợ ông có cho đất để vợ chồng ông cất nhà trên đất nhưng không có làm giấy tờ, vì tin tưởng nên vợ chồng ông không yêu cầu mẹ vợ làm giấy cho đất. Nguyên nhân chính phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng ông là do ông Nguyễn Hùng Quang H (em rể của bà N) – giám đốc công ty TNHH công nghệ HL kêu người xuống thăm định đất trong đó có cả căn nhà của ông (thăm định đất để làm gì thì ông không biết) nên lúc này vì muốn bảo vệ quyền lợi của gia đình ông cũng như các con, ông có yêu cầu mẹ vợ làm giấy cho đất để vợ chồng ông đi làm giấy tờ thì lúc này giữa ông và gia đình bên vợ bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ ông là một người có hiếu với gia đình nên không dám cãi lại gia đình. Sau đó thì mẹ vợ ông yêu cầu vợ ông ly hôn với ông. Ông xác định hiện nay ông vẫn còn thương vợ và giữa vợ chồng ông không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng nên ông không đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: có 02 con chung tên Võ Nguyễn Thảo V, sinh ngày 07/01/2008 và Võ Gia Đ, sinh ngày 12/6/2014. Hiện nay trẻ V ông cho đi học bên Quận 7, ở nhờ nhà e gái ông, hàng ngày ông ghé thăm, còn trẻ Đ thì vẫn sống cùng vợ chồng ông tại nhà 4B19 ấp 4, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng 2 tuần nay ông cho bé Đ về thăm ông bà nội tại An Giang. Trường hợp Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn của bà N thì ông yêu cầu được nuôi Võ Nguyễn Thảo V, sinh ngày 07/01/2008 và Võ Gia Đ, sinh ngày 12/6/2014, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay bà N đi làm 10 giờ tối mới về không có điều kiện chăm sóc con. Ông làm nghề tự do nên ông có nhiều thời gian chăm sóc các con.

Về tài sản chung: sau khi kết hôn thì mẹ vợ có cho vợ chồng ông phần đất diện tích 5mx20m tại lô B, ấp 4, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không làm giấy tờ, chỉ cho bằng lời nói. Sau đó vợ chồng ông bỏ tiền ra xây dựng trên phần đất này căn nhà diện tích 4m x 10m để ở cho đến nay. Đây là tài

sản chung của vợ chồng, ông yêu cầu để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng ông có nợ chung nhưng nợ những ai thì ông không rõ vì bà N là người đứng ra trả nợ cho các chủ nợ nên ông không thể cung cấp họ tên các chủ nợ cho Tòa án nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ông không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến giải quyết vụ án về nội dung như sau:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

- Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh N đối với ông Võ Quốc L

- Về con chung: giao trẻ Võ Nguyễn Thảo V, sinh ngày 07/01/2008 cho ông Võ Quốc L trực tiếp nuôi dưỡng, giao trẻ Võ Gia Đ, sinh ngày 12/6/2014 cho bà Nguyễn Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Thanh N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Võ Quốc L. Ông L có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Võ Quốc L chung sống có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 32 quyền số 2008 ngày 03/3/2008. Do đó, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông L là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.”*

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N trình bày bà và ông L chung sống không hòa hợp, nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Ông L cho rằng vợ chồng mâu thuẫn không trầm trọng, ông yêu cầu Tòa án bác yêu cầu ly hôn của bà N để gia đình được đoàn tụ. Kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận: Ủy ban nhân dân xã A không nắm được thông tin về cuộc sống hôn nhân của bà N và ông L vì không có tiền hành hòa giải giải quyết mâu thuẫn.

[5] Mục đích của hôn nhân là nhằm để xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Ông L trình bày vợ chồng ông không có mâu thuẫn là không có căn cứ bởi lẽ, qua quá trình hòa giải ông L xác nhận gia đình bên vợ có cho đất để cất nhà nhưng không làm giấy tờ, ông yêu cầu làm giấy cho đất thì phát sinh mâu thuẫn, từ đó bà N nghe lời bên gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định giữa bà N và ông L có những mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng chung sống nhưng không thể xây dựng được gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững thì việc tồn tại quan hệ hôn nhân đó đã không đạt được mục đích của hôn nhân. Ông L yêu cầu đoàn tụ nhưng không đến Tòa án để tham dự phiên tòa, trình bày ý kiến và cũng không đưa ra được phương án, giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu đoàn tụ của ông L là không có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông L.

[6] Về con chung: có 02 con chung tên Võ Nguyễn Thảo V, sinh ngày 07/01/2008 và Võ Gia Đ, sinh ngày 12/6/2014.

[7] Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

[8] Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 24/9/2019 và ngày 17/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đối với trẻ Võ Nguyễn Thảo V thể hiện trẻ V có nguyện vọng sống với ông L và để trẻ Đ sống với bà N. Ông L có nguyện vọng được nuôi trẻ V, bà N cũng thống nhất giao trẻ V cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, nhằm bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho trẻ V, Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ Võ Nguyễn Thảo V cho ông L tiếp tục nuôi dưỡng.

[9] Đối với trẻ Võ Gia Đ, sinh ngày 12/6/2014: cả ông L và bà N đều có nguyện vọng nuôi trẻ Đ. Ông L có công việc nhưng không ổn định (chạy grad), mức thu nhập trung bình, ông L đã được giao nuôi dưỡng trẻ V nên

không đủ điều kiện để nuôi dưỡng thêm trẻ Đ. Hơn nữa, trẻ Đ hiện nay còn nhỏ, chỉ hơn 5 tuổi nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Trong quá trình Tòa án giải quyết ông L mang trẻ Đ về quê tại An Giang gửi cho mẹ ông chăm sóc mà không được sự đồng ý của bà N, do đó Hội đồng xét xử quyết định buộc ông Võ Quốc L giao trẻ Võ Gia Đ cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

[10] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên,...*”. Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”

[11] Việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm nghĩa vụ của cả bà N và ông L. Để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho trẻ V và trẻ Đ có cuộc sống đảm bảo cũng như phát triển bình thường, bà N và ông L phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, bà N và ông L không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[12] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông L xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[13] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh N chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 19, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh N đối với ông Võ Quốc L.

1.1. Bà Nguyễn Thị Thanh N được ly hôn với ông Võ Quốc L.

1.2. Giấy chứng nhận kết hôn số 32 Quyền số 2008 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/3/2008 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Nguyễn Thảo V, sinh ngày 07/01/2008 và Võ Gia Đ, sinh ngày 12/6/2014.

2.1. Tiếp tục giao trẻ Võ Nguyễn Thảo V, sinh ngày 07/01/2008 cho ông Võ Quốc L trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Buộc ông Võ Quốc L có trách nhiệm giao trẻ Võ Gia Đ, sinh ngày 12/6/2014 cho bà Nguyễn Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng.

2.3. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà N và ông L. Bà N, ông L có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh N chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà bà N nộp theo biên lai thu số AA/2019/0002522 ngày 18/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H. BC;

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS H.BC;
- UBND xã A, huyện B, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT.

Đỗ Thị Duy Linh